

Bản án số: 23/2019/HSST

Ngày: 27/02/2019

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ CAO BẰNG - TỈNH CAO BẰNG**

Thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lương Thị Hợp

Các hội thẩm nhân dân:

1. Ông Lưu Danh Thùy
2. Ông Luân Văn Lý

Thư ký phiên tòa: Bà Hoàng Thị Ngọc Hà - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Cao Bằng, tỉnh Cao Bằng.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Cao Bằng, tỉnh Cao Bằng tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thiêm - Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 02 năm 2019 tại Trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Cao Bằng, tỉnh Cao Bằng, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 07/2019/HSST ngày 30 tháng 01 năm 2019 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 25/2019/QĐXXST-HS ngày 15/02/2019 của Tòa án nhân dân thành phố Cao Bằng đối với bị cáo:

Họ và tên: **BẾ TRUNG N.** Giới tính: Nam; Tên gọi khác: không; Sinh ngày: 05/04/1994. Nơi sinh: C, huyện T, tỉnh Cao Bằng; Hộ khẩu thường trú: tổ T, phường N, thành phố C, tỉnh Cao Bằng; Dân tộc: Tày; Quốc tịch: Việt Nam; Tôn giáo: không; Trình độ học vấn: 11/12 phổ thông; Nghề nghiệp: không nghề; Chức vụ Đảng, đoàn thể trước khi phạm tội: không; Con ông: Bế Công Đ; sinh năm: 1972; Con bà: Hoàng Tuyết L; sinh năm: 1973; Cùng hộ khẩu thường trú: tổ T, phường N, thành phố C, tỉnh Cao Bằng; Vợ, con: Chưa có. Bị cáo là con duy nhất trong gia đình. Tiền sự: không; Tiền án: không

Bị cáo bị bắt ngày 05/11/2018, hiện đang bị tạm giam tại Nhà tạm giữ Công an thành phố Cao Bằng, tỉnh Cao Bằng; có mặt.

- Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:

1. Đoàn Việt H

TT: Tổ H, phường S, thành phố C, tỉnh Cao Bằng
(Có đơn xin xét xử vắng mặt tại phiên tòa)

2. Nguyễn Thị G

TT: Tổ H, phường S, thành phố C, tỉnh Cao Bằng

(Có đơn xin xét xử vắng mặt tại phiên tòa)

- Người làm chứng: Hứa Thu T - sinh ngày 20/10/2001

TT: Tổ C, phường S, thành phố C, tỉnh Cao Bằng.

(Có mặt tại phiên tòa).

- Người giám hộ: Hoàng Tuyết L, Sinh năm 1973.

HKTT: Tổ T, phường N, thành phố C, tỉnh Cao Bằng.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Qua các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và quá trình xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 11 giờ ngày 05/11/2018 Bé Trung N đi ra khu vực bến xe khách thành phố C, tỉnh Cao Bằng tìm mua ma túy đá để sử dụng. Đến nơi, N gặp và hỏi mua ma túy đá với một người đàn ông khoảng 30 tuổi, không biết tên, địa chỉ. N đưa cho người này 1.000.000 đồng (một triệu đồng), người đó nhận lấy tiền rồi đưa cho N 01 (một) gói Methamphetamine có khối lượng 0,67g (không phẩy sáu bảy gam) được gói bằng nilon màu trắng trong một hộp dao cạo râu. Sau khi mua xong, người đàn ông này đi đâu không biết, N đem gói ma túy đá về nhà.

Khoảng 21 giờ cùng ngày, N vẫn mang theo gói ma túy đá mua được, điều khiển xe máy Jupiter màu xanh, biển kiểm soát 11F4- 457B, chở Hứa Thu T (sinh năm 2001; hộ khẩu thường trú: Tổ C, phường S, thành phố C, tỉnh Cao Bằng) đi chơi. Cả hai đi đến khu vực tổ M, phường N, thành phố C, tỉnh Cao Bằng thì công an yêu cầu kiểm tra hành chính, sợ bị bắt nên N đã vút gói ma túy đá trong vỏ hộp dao cạo râu xuống đất ngay cạnh chỗ N đang đứng nhưng đã bị tổ công tác Đội cảnh sát điều tra tội phạm về Kinh tế - ma túy Công an thành phố Cao Bằng phát hiện bắt quả tang; thu giữ: 01 (một) vỏ hộp dao cạo râu bên trong có 01 (một) gói vỏ nilon màu trắng chứa 0,67g (không phẩy sáu bảy gam) Methamphetamine ở dưới đất bên cạnh chỗ N đang đứng, 01 (một) điện thoại di động màu đen, nhãn hiệu OPPO; 01 (một) xe mô tô nhãn hiệu Jupiter, màu xanh, biển kiểm soát 11F4 - 457B và số tiền 800.000đ (Tám trăm nghìn đồng).

Qua khám xét chỗ ở, đồ vật của Bé Trung N tại tổ T, phường N, thành phố C, tỉnh Cao Bằng, thu giữ: 01 (một) bình nhựa màu trắng chiều dài khoảng 20 cm, phía trên nắp bình màu xanh có đục hai lỗ, một lỗ gắn ống hút màu hồng vàng, một lỗ gắn ống thủy tinh; 01 (một) bình nhựa chiều dài khoảng 15cm, phía trên nắp bình màu đỏ đục hai lỗ, trong đó một lỗ có gắn ống hút màu vàng hồng trắng, một lỗ gắn ống thủy tinh (là dụng cụ sử dụng ma túy).

Ngày 08/11/2018, cơ quan cảnh sát điều tra Công an thành phố Cao Bằng ra quyết định trưng cầu giám định số 179 đối với vật chứng của vụ án. Tại Kết luận giám định số 6252/GĐMT ngày 17/11/2018 của Viện khoa học hình sự Bộ Công an xác định: “*mẫu tinh thể màu trắng gửi giám định là ma túy, loại Methamphetamine*”.

Chiếc xe máy biển kiểm soát 11F4- 457B là của bà Nguyễn Thị G (sinh năm 1967; hộ khẩu thường trú: Tổ H, phường S, thành phố C, tỉnh Cao Bằng). Ngày 05/11/2018, Đoàn Việt H là con bà G cho N mượn xe nhưng hai mẹ con bà không biết N đem xe máy đi mua ma túy. Cơ quan điều tra đã trả lại cho bà G.

Số vật chứng và tài sản thu giữ cơ quan cảnh sát điều tra Công an thành phố Cao Bằng, tỉnh Cao Bằng đã chuyển đến Chi cục thi hành án dân sự thành phố Cao Bằng theo biên bản giao, nhận vật chứng ngày 26/11/2018.

Hành vi của Bé Trung N đã bị cơ quan cảnh sát điều tra Công an thành phố Cao Bằng, tỉnh Cao Bằng lập hồ sơ truy cứu trách nhiệm hình sự.

Tại bản Cáo trạng số 09/CT-VKSTP ngày 29/01/2019, Viện kiểm sát nhân dân thành phố Cao Bằng, tỉnh Cao Bằng đã truy tố bị cáo Bé Trung N về tội Tàng trữ trái phép chất ma túy theo quy định tại điểm c khoản 1 Điều 249 Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa, bị cáo đã thành khẩn khai nhận hành vi phạm tội như nội dung bản cáo trạng của Viện kiểm sát truy tố. Bị cáo nhất trí với trọng lượng ma túy bị thu giữ và kết luận giám định số 6252/GĐMT ngày 17/11/2018 của Viện khoa học hình sự Bộ Công an cũng như các hành vi tố tụng và quyết định tố tụng của cơ quan điều tra, Điều tra viên, Viện kiểm sát, Kiểm sát viên trong quá trình giải quyết vụ án.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Cao Bằng giữ nguyên quan điểm truy tố đối với bị cáo và đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm c khoản 1 Điều 249, điểm s khoản 1 Điều 51 BLHS, tuyên bố bị cáo phạm tội "*Tàng trữ trái phép chất ma túy*". Đề nghị xử phạt bị cáo từ 18 đến 24 tháng tù, không đề nghị áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

Về xử lý vật chứng: đề nghị tịch thu tiêu hủy toàn bộ số ma túy đá và dụng cụ sử dụng ma túy. Trả lại cho bị cáo số tiền 800.000 đồng (Tám trăm nghìn đồng), 01 điện thoại di động nhãn hiệu OPPO màu đen, nhưng tạm giữ để đảm bảo thi hành án. Chiếc xe máy đã trả lại cho chủ sở hữu Nguyễn Thị G nên không đặt ra vấn đề xem xét giải quyết.

Bị cáo không tranh luận với đại diện Viện kiểm sát; khi nói lời sau cùng, bị cáo đề nghị Hội đồng xét xử cho bị cáo được hưởng mức án nhẹ nhất.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy :

[1]. Về hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan điều tra Công an thành phố Cao Bằng, Điều tra viên; Viện kiểm sát nhân dân thành phố Cao Bằng, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2]. Về tội danh: Tại phiên tòa bị cáo Bé Trung N đã khai nhận về hành vi phạm tội của mình phù hợp với lời khai của bị cáo tại cơ quan điều tra, phù hợp với Biên bản bắt người phạm tội quả tang, lời khai của người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan, người làm chứng, Kết luận giám định và phù hợp với các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án.

Có đủ căn cứ kết luận: vào hồi 21 giờ 15 phút, ngày 05/11/2018 tại tổ M, phường N, thành phố C, tỉnh Cao Bằng, Bé Trung N có hành vi tàng trữ 0,67g (không phải sáu bảy gam) Methamphetamine để sử dụng.

Bị cáo nhận thức được tác hại của chất ma túy, biết rõ hành vi tàng trữ trái phép chất ma túy là vi phạm pháp luật nhưng vì muốn có ma túy để sử dụng, bị cáo vẫn cố ý thực hiện. Hành vi của bị cáo Bé Trung N đã đủ các yếu tố cấu thành tội "*Tàng trữ trái phép chất ma túy*" theo quy định tại Điều 249 Bộ luật hình sự năm 2015.

[3]. Xét tính chất, mức độ hành vi phạm tội: hành vi của bị cáo đã xâm phạm đến chế độ độc quyền quản lý của nhà nước về các chất gây nghiện, tính chất của hành vi phạm tội là nghiêm trọng, gây ảnh hưởng xấu tới tình hình trật tự trị an, làm phát sinh nhiều tội phạm và tệ nạn xã hội khác. Do đó, cần xử lý nghiêm khắc theo quy định của pháp luật.

[4]. Về tình tiết định khung hình phạt: bị cáo Bé Trung N tàng trữ 0,67 gam ma túy nên bị xét xử theo điểm c khoản 1 Điều 249 Bộ luật hình sự năm 2015.

[5]. Về nhân thân và các tình tiết tăng nặng giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Bị cáo không có tiền án, tiền sự; trong quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo đã thành khẩn khai báo về hành vi phạm tội nên được áp dụng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự "*Người phạm tội thành khẩn khai báo*" quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015;

Tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: không có.

[6]. Về hình phạt: căn cứ tính chất và mức độ hành vi phạm tội của bị cáo và các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự thấy rằng cần có mức hình phạt đủ nghiêm khắc, tương xứng với tính chất mức độ của hành vi phạm tội bị cáo thực hiện, để giáo dục cải tạo bị cáo và răn đe phòng ngừa tội phạm nói chung.

Về hình phạt bổ sung: Bị cáo không có nghề nghiệp và thu nhập ổn định nên không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

[7]. Đối với Hứa Thu T là người đi cùng N khi bị bắt quả tang ngày 05/11/2018, T không biết N mang theo ma túy, cũng không biết nguồn gốc số ma túy nên cơ quan điều tra không xử lý hình sự đối với T là phù hợp.

Về nguồn gốc số Methamphetamine, N khai mua với một người đàn ông khoảng 30 tuổi (không rõ tên, địa chỉ) tại khu vực bến xe khách thành phố C, tỉnh Cao Bằng; cơ quan điều tra Công an thành phố Cao Bằng vẫn đang tiếp tục điều tra làm rõ, nếu có đủ căn cứ sẽ xử lý trong một vụ án khác.

[8]. Về vật chứng, xử lý vật chứng: trả lại cho bị cáo số tiền 800.000 đồng (tám trăm nghìn đồng), 01 điện thoại di động nhãn hiệu OPPO vì không liên

quan đến hành vi phạm tội, nhưng cần tạm giữ số tiền để đảm bảo cho việc thi hành án. Số vật chứng còn lại là ma túy và dụng cụ sử dụng ma túy là vật nhà nước cấm lưu hành, cần được tịch thu tiêu hủy.

Chiếc xe máy biển kiểm soát 11F4 - 457B là tài sản của bà Nguyễn Thị G, không liên quan đến hành vi phạm tội của Nghĩa nên cơ quan công an đã trả lại cho bà G. Bà G và Đoàn Việt H là con trai bà cũng đã có đơn xin xét xử vắng mặt và không yêu cầu bị cáo bồi thường gì thêm, song cũng cần ghi nhận trong bản án để làm căn cứ.

[9] Ý kiến của đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tại phiên tòa là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[10] Về án phí và quyền kháng cáo: Bị cáo Bế Trung N phải chịu án phí hình sự sơ thẩm. Bị cáo và những người có quyền lợi liên quan có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố: bị cáo Bế Trung N phạm tội "*Tàng trữ trái phép chất ma túy*".

Áp dụng: điểm c khoản 1 Điều 249; điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) đối với bị cáo Bế Trung N.

Xử phạt: Bị cáo Bế Trung N 18 (Mười tám) tháng tù. Thời hạn chấp hành án phạt tù được tính từ ngày 05/11/2018.

2. Về xử lý vật chứng: áp dụng điểm c khoản 1 Điều 47 Bộ luật hình sự (sửa đổi, bổ sung năm 2017); khoản 1, điểm a khoản 2 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015.

Tịch thu tiêu hủy:

- 02 (hai) bình nhựa (dụng cụ sử dụng ma túy) vụ Bế Trung N sinh năm 1994;

- 01 (một) phong bì niêm phong có số 6252/C09 (TT2) của Viện khoa học hình sự Bộ công an hoàn lại mẫu vật sau giám định.

Trả lại cho bị cáo:

- 01 (Một) điện thoại di động màu đen nhãn hiệu OPPO trong phong bì niêm phong ghi vụ Bế Trung N sinh năm 1994;

- 800.000 đồng (tám trăm ngàn đồng) trong phong bì niêm phong ghi vụ Bế Trung N sinh năm 1994;

Tạm giữ số tiền 800.000đ để đảm bảo cho việc thi hành án, sau khi khấu trừ các khoản phải thi hành, số tiền còn lại sẽ được hoàn trả cho bị cáo.

Xác nhận toàn bộ vật chứng đã được chuyển đến Chi cục thi hành án dân sự thành phố Cao Bằng theo biên bản bàn giao vật chứng, tài sản ngày 26/11/2018 và 30/11/2018.

Xác nhận bà Nguyễn Thị G đã nhận lại chiếc xe máy biển kiểm soát 11F4 - 457B theo biên bản trả lại tài sản ngày 10 tháng 01 năm 2019 của Công an thành phố Cao Bằng và không yêu cầu bồi thường thêm.

3. Về án phí: áp dụng khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015; điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án:

Bị cáo Bé Trung N phải chịu 200.000 đồng (Hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm để sung vào công quỹ Nhà nước.

4. Về quyền kháng cáo: Bị cáo có mặt tại phiên tòa, có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan Nguyễn Thị G và Đoàn Việt H vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án./.

Nơi nhận:

- Tòa án tỉnh Cao Bằng;
- Công an tỉnh Cao Bằng;
- Viện kiểm sát TP Cao Bằng;
- Công an TP Cao Bằng;
- Thi hành án DS TP Cao Bằng;
- Bị cáo;
- Người có QLLQ;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu án văn.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lương Thị Hợp